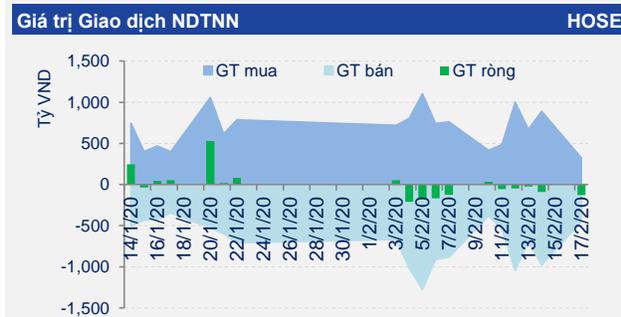
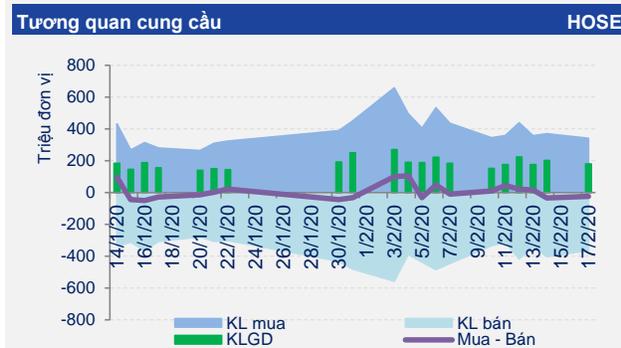


# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 17/2/2020

Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	934.77	109.57
% Thay đổi	↓ -0.29%	↓ -0.15%
KLGD (CP)	179,903,149	33,072,085
GTGD (tỷ đồng)	3,089.47	366.30
Tổng cung (CP)	364,724,740	58,405,800
Tổng cầu (CP)	340,794,560	61,575,400

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	12,084,890	575,320
KL mua (CP)	8,314,840	354,610
GTmua (tỷ đồng)	323.25	3.61
GT bán (tỷ đồng)	452.29	7.11
GT ròng (tỷ đồng)	(129.03)	(3.50)



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.63%	12.6	2.3	3.5%
Công nghiệp	↓ -0.55%	12.5	2.3	11.4%
Dầu khí	↓ -0.26%	13.2	1.9	2.6%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.42%	16.7	4.0	3.5%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.06%	13.7	2.4	1.3%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.26%	16.4	4.3	16.9%
Ngân hàng	↑ 0.82%	11.7	2.4	31.9%
Nguyên vật liệu	↓ -0.20%	13.4	1.6	7.7%
Tài chính	↓ -1.12%	17.6	3.8	18.5%
Tiền ịch Cộng đồng	↓ -1.19%	12.2	2.5	2.7%
VN - Index	↓ -0.29%	14.5	3.3	103.7%
HNX - Index	↓ -0.15%	9.3	1.5	-3.7%

## ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường giảm điểm nhẹ trong phiên giao dịch đầu tuần với thanh khoản có sự suy giảm. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm 2,68 điểm (-0,29%) xuống 934,77 điểm; HNX-Index giảm 0,17 điểm (-0,16%) xuống 109,57 điểm. Thanh khoản trên hai sàn suy giảm so với phiên cuối tuần trước và thấp hơn mức trung bình 20 phiên với giá trị giao dịch đạt 3.763 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch là 216 triệu cổ phiếu, trong đó giao dịch thỏa thuận chiếm 937 tỷ đồng. Độ rộng thị trường là tiêu cực với 210 mã tăng, 124 mã tham chiếu, 346 mã giảm. Thị trường tăng nhẹ vào đầu phiên giao dịch; nhưng ngay sau đó, áp lực bán gia tăng khiến các chỉ số đồng loạt giảm xuống dưới tham chiếu. Các cổ phiếu trụ cột tiếp tục có sự phân hóa mạnh trong phiên hôm nay với bên tăng mà tiêu biểu nhất là nhóm ngân hàng như BID (+3%), TCB (+0,4%), VNM (+0,8%), MBB (+0,9%), VCB (+0,1%), MWG (+0,4%), HPG (+0,2%), HDB (+0,5%), NVL (+0,2%)... và bên giảm mà tiêu biểu là nhóm Vin Group như VIC (-1,8%), VHM (-1%), SAB (-2%), GAS (-1,4%), CTG (-0,9%), VRE (-1,1%), BVH (-1,1%), VPB (-0,2%), PLX (-0,4%), MSN (-0,2%)... Nhóm cổ phiếu dệt may và thủy sản tiếp tục bị chốt lời và giảm giá mạnh với TCM (-3,1%), VGT (-2,2%), MSH (-2,6%), TNG (-1,9%); IDI (-2,3%), ANV (-2,7%), VHC (-3,7%), HSL (-3,5%), MPC (-5,8%)...

## CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Thị trường giảm nhẹ trong phiên giao dịch đầu tuần nhưng chỉ số VN-Index vẫn đang giao dịch trong vùng tích lũy 920-940 điểm trong phiên thứ 10 liên tiếp cho thấy trạng thái xu hướng của thị trường vẫn chưa có gì thay đổi. Thanh khoản suy giảm so với phiên cuối tuần trước và còn thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy nhà đầu tư đang có sự thận trọng nhất định và phần lớn đang đứng ngoài quan sát. Khối ngoại gia tăng bán ròng trên hai sàn với hơn 130 tỷ đồng tiếp tục là một điểm nhấn tiêu cực. Trên thị trường phái sinh, hợp đồng tương lai VN30 tháng 2 tăng mạnh hơn so với chỉ số cơ sở VN30 qua đó thu hẹp mức basis âm xuống còn 2,47 điểm; trong bối cảnh chỉ còn 3 phiên nữa là đáo hạn thì động thái này là khá dễ hiểu. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 18/2, VN-Index có thể sẽ tiếp tục giằng co và tích lũy với biên độ trong khoảng 920-940 điểm. Những nhà đầu tư đã trading thành công vòng trước đó (mua vào trong phiên 3/2 và 4/2 khi thị trường test vùng hỗ trợ 900-920 điểm và chốt lời khi thị trường test vùng kháng cự 940-950 điểm trong phiên 7/2 và phiên 12/2) có thể tiếp tục áp dụng chiến lược mua thấp, bán cao (buy low, sell high) với vùng hỗ trợ và kháng cự nêu trên trong giai đoạn hiện tại.

# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 17/2/2020

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

### VN-Index:

VN-Index tăng điểm vào đầu phiên giao dịch, với mức cao nhất trong phiên tại 938,52 điểm. Nhưng sau đó, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số lùi xuống dưới ngưỡng tham chiếu và đã giảm mạnh dần trong phiên chiều, với mức thấp nhất trong phiên tại 931,66 điểm. Kết phiên, VN-Index giảm 2,68 điểm (-0,29%) xuống 934,77 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VIC giảm 2.000 đồng, VHM giảm 900 đồng, SAB giảm 3.800 đồng. Ở chiều ngược lại, BID tăng 1.500 đồng.

### HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm trong phiên giao dịch sáng, với mức cao nhất trong phiên tại 110,206 điểm. Cuối phiên sáng, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số giảm xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 108,909 điểm. Kết phiên, HNX-Index giảm 0,17 điểm (-0,16%) xuống 109,57 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: VIF giảm 900 đồng, VCS giảm 1.100 đồng, VNR giảm 900 đồng. Ở chiều ngược lại, SHB tăng 100 đồng.

## GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 129,42 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 4,8 triệu cổ phiếu. MSN là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 28,6 tỷ đồng tương ứng với 580 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là VIC với 18,6 tỷ đồng tương ứng với 175 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VNM là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 8,9 tỷ đồng tương ứng với 82 nghìn cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 3,47 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 221 nghìn cổ phiếu. NTP là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 4,3 tỷ đồng tương ứng với 150 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là SHB với 733 triệu đồng tương ứng với 100 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, TIG là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 1,3 tỷ đồng tương ứng với 193,5 nghìn cổ phiếu.

## TIN KINH TẾ VĨ MÔ - ĐẦU TƯ

### Thủ tướng: Khẩn trương xây dựng kịch bản phát triển kinh tế phù hợp với diễn biến dịch Covid-19

Văn phòng Chính phủ vừa có thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc về tác động của tình hình dịch viêm phổi cấp do Virus Corona gây ra, cập nhật kịch bản tăng trưởng và các giải pháp chỉ đạo, điều hành thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

### VN-Index:



VN-Index điều chỉnh nhẹ trong phiên giao dịch đầu tuần và chỉ số hiện vẫn nằm trong vùng tích lũy 920-940 điểm, khối lượng khớp lệnh suy giảm so với phiên cuối tuần trước và thấp hơn mức trung bình 20 phiên với 149 triệu cổ phiếu. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn là tiêu cực với ngưỡng kháng cự tại 950 điểm (MA20). Tín hiệu kỹ thuật trung hạn là tiêu cực với ngưỡng kháng cự tại 955 điểm (MA50). Về xu hướng dài hạn, VN-Index vận động trong thị trường giá xuống (bear market) với ngưỡng kháng cự tại 975 điểm (MA200). Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 18/2, VN-Index có thể sẽ tiếp tục giằng co và tích lũy với biên độ trong khoảng 920-940 điểm nhằm ổn định mặt bằng giá mới sau đợt sụt giảm trước đó.

### HNX-Index:



HNX-Index điều chỉnh nhẹ trong phiên giao dịch đầu tuần và chỉ số hiện kết phiên ngay dưới ngưỡng tâm lý 110 điểm, khối lượng khớp lệnh suy giảm so với phiên cuối tuần trước và thấp hơn mức trung bình 20 phiên với 28,8 triệu cổ phiếu. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn là tích cực với ngưỡng hỗ trợ tại 105,5 điểm (MA20). Tín hiệu kỹ thuật trung hạn là tích cực với ngưỡng hỗ trợ tại 103,5 điểm (MA50). Về xu hướng dài hạn, HNX-Index hiện vận động trong thị trường giá lên (bull market) với ngưỡng hỗ trợ tại 104 điểm (MA200). Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 18/2, HNX-Index có thể sẽ tiếp tục giằng co và rung lắc quanh ngưỡng tâm lý 110 điểm nhằm tạo một mặt bằng giá mới sau nhịp tăng trước đó.



## TIN TRONG NƯỚC

**Giá vàng trong nước đi ngang**

Tại thời điểm 15 giờ, vàng SJC tại DOJI được niêm yết ở mức 44,12 - 44,32 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra), tăng 50.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và giảm 80.000 đồng/lượng ở chiều bán ra.

**Tỷ giá trung tâm tăng 3 đồng**

Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 17/2 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.218 VND/USD, tăng 3 đồng so với cuối tuần qua.

## TIN THẾ GIỚI

**Giá vàng thế giới giảm**

Tại thời điểm 15 giờ, giá vàng thế giới giảm 3,15 USD/ounce tương ứng với 0,2% xuống 1.583,25 USD/ounce.

**Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm**

Tính tới 15 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,026 điểm tương ứng 0,03% xuống 98,977 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,0847 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,3042 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 109,85 JPY.

**Giá dầu thế giới tăng**

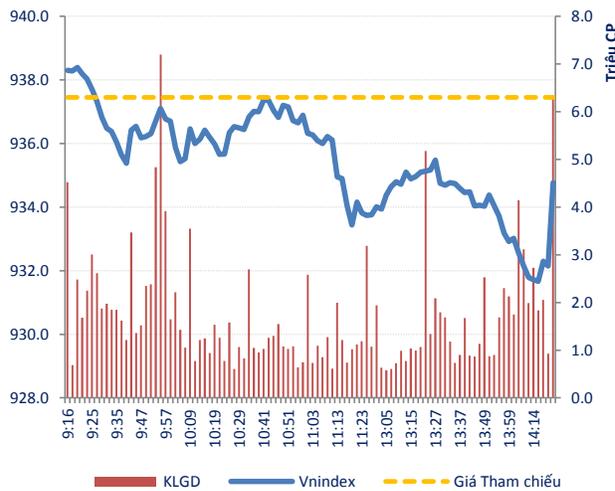
Tại thời điểm 15 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,1 USD tương ứng 0,19% lên 52,42 USD/thùng.

**Chứng khoán Mỹ tăng giảm trái chiều**

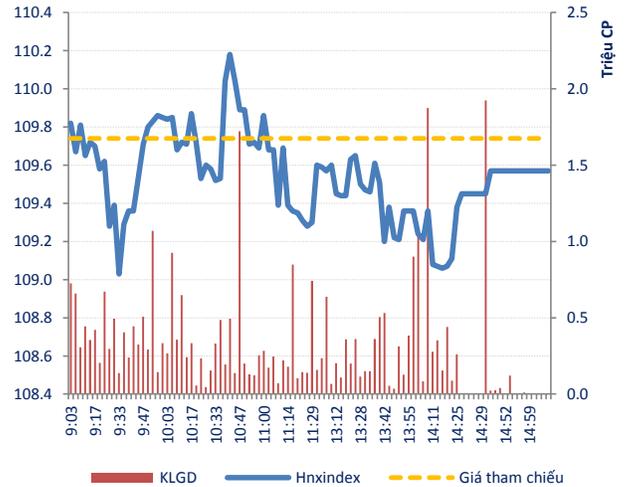
Kết thúc phiên giao dịch ngày 14/2, chỉ số Dow Jones giảm 25,23 điểm tương ứng 0,09% xuống 29.398,08 điểm; chỉ số Nasdaq tăng 19,21 điểm tương ứng 0,2% lên 9.731,18 điểm; chỉ số S&P 500 tăng 6,22 điểm tương ứng 0,18% lên 3.380,16 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

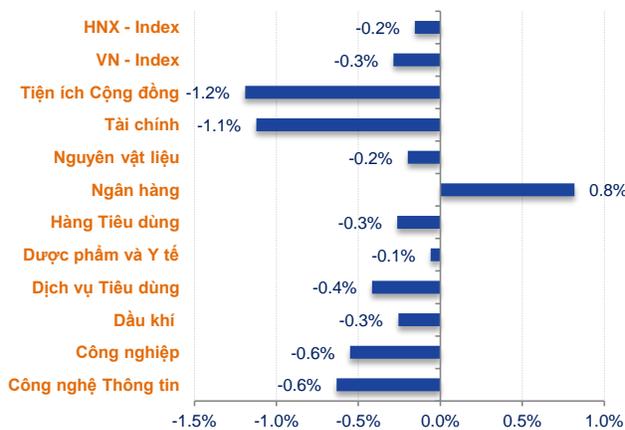
KLGD và VN-Index trong phiên



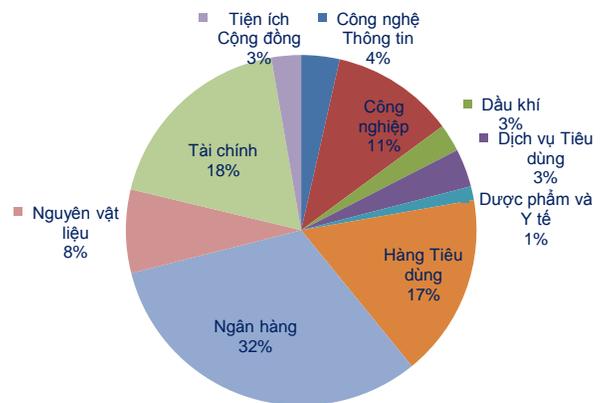
KLGD và HNX-Index trong phiên



Biến động giá phân theo nhóm Ngành



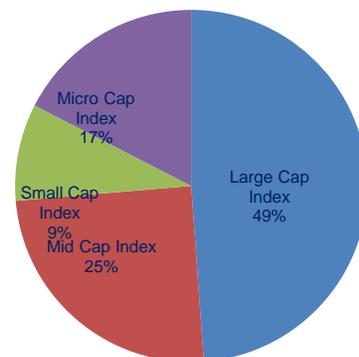
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVD	573,140	CTG	650,560
2	DLG	313,690	MSN	579,920
3	STB	161,060	KBC	537,580
4	TDH	145,340	SSI	399,900
5	LDG	116,820	E1VFN30	230,480

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	TIG	193,500	NTP	149,700
2	TNG	29,900	SD6	149,500
3	NBC	19,900	SHB	99,700
4	SHS	16,300	S74	57,000
5	SLS	9,700	SDT	10,100

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HNG	13.60	13.50	↓ -0.74%	10,852,180
MBB	21.75	21.95	↑ 0.92%	9,768,630
STB	11.60	11.65	↑ 0.43%	8,914,870
DLG	1.83	1.95	↑ 6.56%	8,784,900
TCB	23.30	23.80	↑ 2.15%	6,393,370

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	7.30	7.40	↑ 1.37%	6,820,408
ACB	26.40	26.40	→ 0.00%	4,094,562
SHS	7.20	7.20	→ 0.00%	3,129,147
NVB	9.00	8.90	↓ -1.11%	2,258,510
CEO	8.50	8.80	↑ 3.53%	1,552,467

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CGMD1901	0.15	0.18	0.03	↑ 20.00%
CVNM1905	0.31	0.35	0.04	↑ 12.90%
CTCB1902	3.67	4.03	0.36	↑ 9.81%
CTCB2001	1.52	1.66	0.14	↑ 9.21%
BRC	9.00	9.63	0.63	↑ 7.00%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VDL	22.00	24.20	2.20	↑ 10.00%
TVC	29.00	31.90	2.90	↑ 10.00%
CAN	22.00	24.20	2.20	↑ 10.00%
D11	16.60	18.20	1.60	↑ 9.64%
IDJ	10.50	11.50	1.00	↑ 9.52%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CVJC1901	0.05	0.03	-0.02	↓ -40.00%
CVIC1902	8.92	5.70	-3.22	↓ -36.10%
CROS2001	0.20	0.13	-0.07	↓ -35.00%
CVIC1903	0.76	0.64	-0.12	↓ -15.79%
CVRE1902	0.69	0.59	-0.10	↓ -14.49%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VCM	54.00	46.80	-7.20	↓ -13.33%
BII	0.80	0.70	-0.10	↓ -12.50%
WSS	2.00	1.80	-0.20	↓ -10.00%
PVX	1.00	0.90	-0.10	↓ -10.00%
NBW	34.40	31.00	-3.40	↓ -9.88%

(\*) Giá điều chỉnh



## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HNG	10,852,180	-22.5%	(2,366)	-	1.5
MBB	9,768,630	3250.0%	3,401	6.5	1.3
STB	8,914,870	9.6%	1,361	8.6	0.8
DLG	8,784,900	3.0%	350	5.6	0.2
TCB	6,393,370	17.7%	2,881	8.3	1.3

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	6,820,408	14.0%	1,677	4.4	0.6
ACB	4,094,562	24.6%	3,685	7.2	1.6
SHS	3,129,147	11.2%	1,347	5.3	0.6
NVB	2,258,510	1.1%	114	78.0	0.8
CEO	1,552,467	14.6%	2,176	4.0	0.8

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
GMĐ190	↑ 20.0%	N/A	N/A	N/A	N/A
VNM190	↑ 12.9%	N/A	N/A	N/A	N/A
TCB190	↑ 9.8%	N/A	N/A	N/A	N/A
TCB200	↑ 9.2%	N/A	N/A	N/A	N/A
BRC	↑ 7.0%	9.8%	1,592	6.0	0.6

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VDL	↑ 10.0%	10.2%	1,281	18.9	1.9
TVC	↑ 10.0%	3.7%	550	58.0	2.6
CAN	↑ 10.0%	12.7%	2,890	8.4	1.0
D11	↑ 9.6%	27.3%	4,215	4.3	1.1
IDJ	↑ 9.5%	1.9%	193	59.6	1.1

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVD	573,140	1.4%	449	30.0	0.4
DLG	313,690	3.0%	350	5.6	0.2
STB	161,060	9.6%	1,361	8.6	0.8
TDH	145,340	6.2%	1,649	6.2	0.5
LDG	116,820	21.2%	2,520	2.7	0.5

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
TIG	193,500	10.8%	1,448	4.6	0.6
TNG	29,900	24.8%	3,748	4.2	1.0
NBC	19,900	6.3%	813	8.0	0.5
SHS	16,300	11.2%	1,347	5.3	0.6
SLS	9,700	12.9%	6,366	8.6	1.1

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	365,303	6.8%	2,225	48.5	4.8
VCB	331,574	25.0%	4,991	17.9	3.9
VHM	285,201	37.7%	6,367	13.6	5.1
BID	207,134	12.8%	2,410	21.4	2.7
VNM	187,198	37.8%	6,078	17.7	6.8

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	43,732	24.6%	3,685	7.2	1.6
SHB	12,990	14.0%	1,677	4.4	0.6
VCS	12,000	45.6%	8,958	8.4	3.5
VCG	10,954	8.7%	1,555	15.9	1.6
PVS	7,791	5.8%	1,529	10.7	0.7

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
CLG	6.06	-50.0%	(4,703)	-	0.3
TSC	3.57	0.1%	9	261.1	0.2
TTB	3.00	7.0%	779	4.4	0.3
SVI	2.98	35.1%	11,007	6.6	2.0
MCG	2.85	3.2%	282	6.2	0.4

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
MBG	3.97	4.6%	463	41.0	1.7
DZM	3.30	3.5%	356	7.3	0.3
TVC	2.80	3.7%	550	58.0	2.6
C69	2.73	3.8%	442	17.7	0.7
KTS	2.54	2.1%	653	17.2	0.4



Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền**  
[hien.nth@shs.com.vn](mailto:hien.nth@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành**  
[thanh.nk@shs.com.vn](mailto:thanh.nk@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng**  
[thang.nd@shs.com.vn](mailto:thang.nd@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation*

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

**Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369

**Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, P.Vĩnh Trung  
Q.Thanh Khê, Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779

---